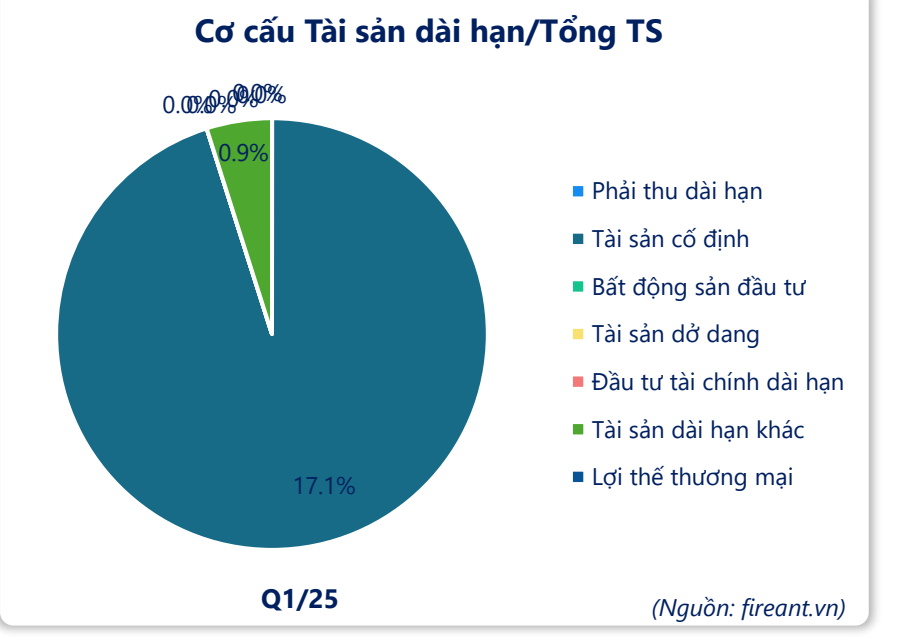
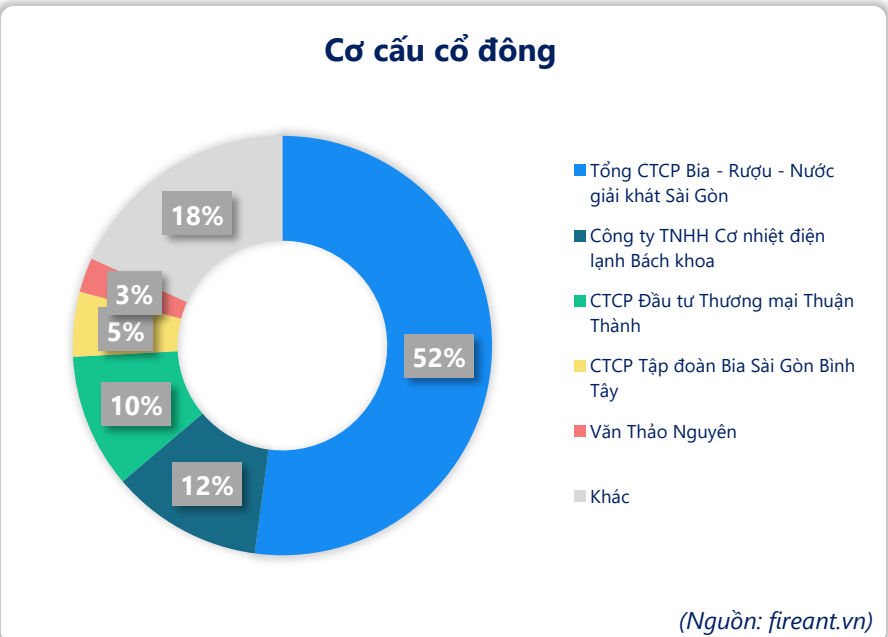
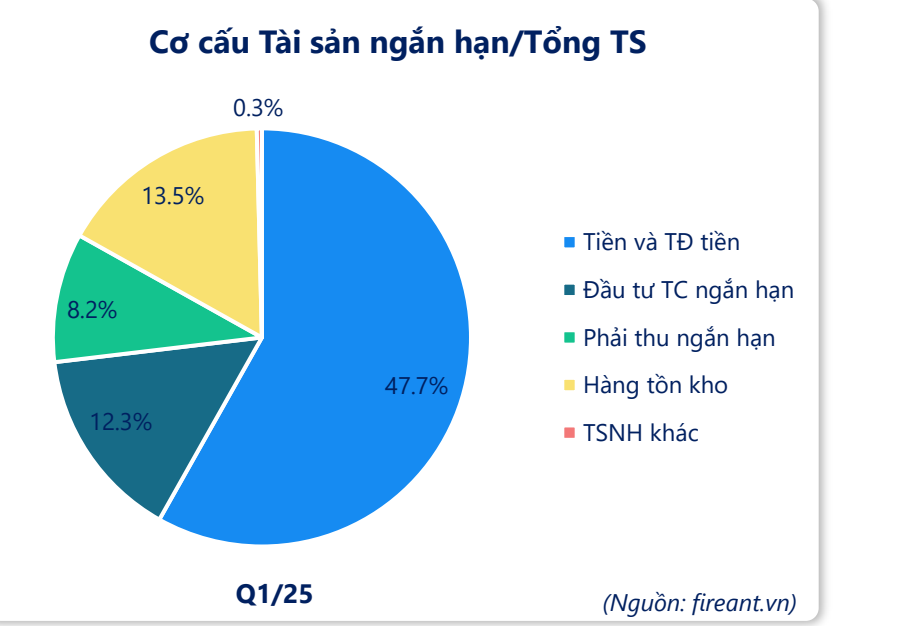
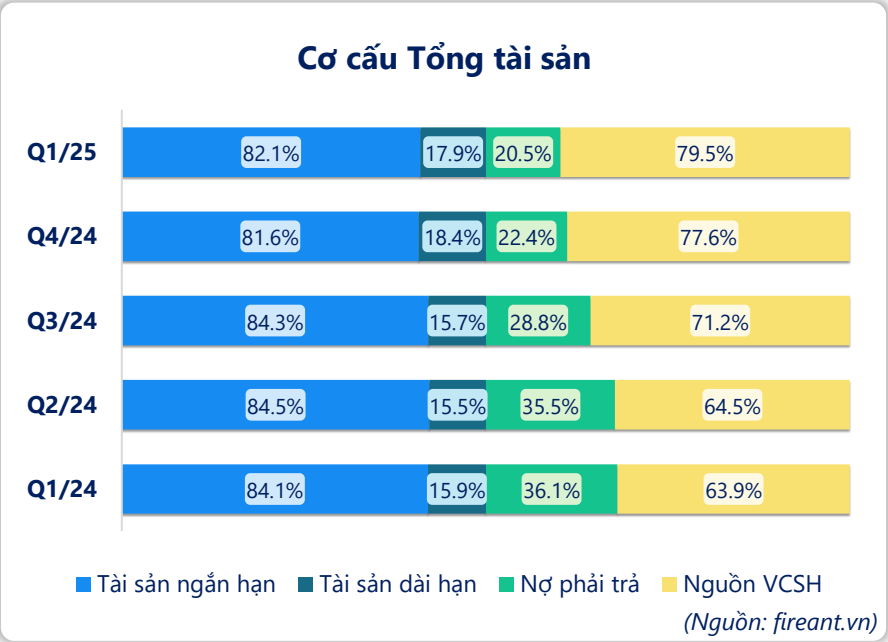
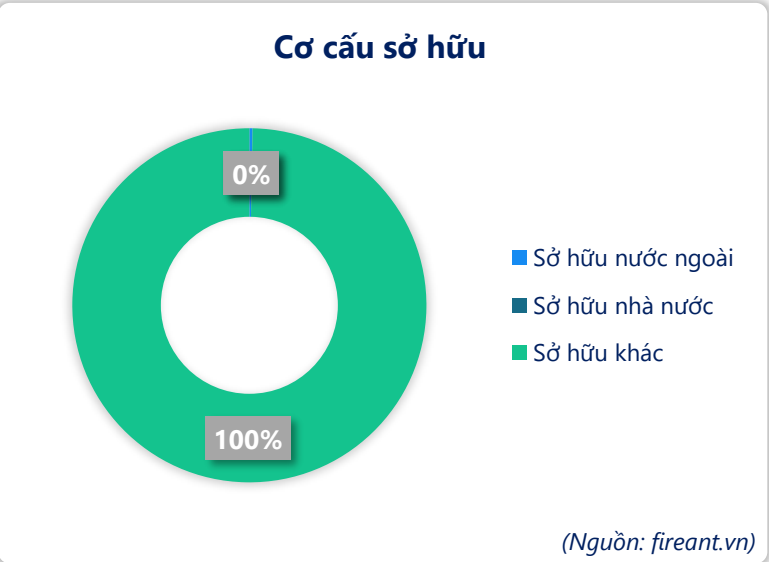
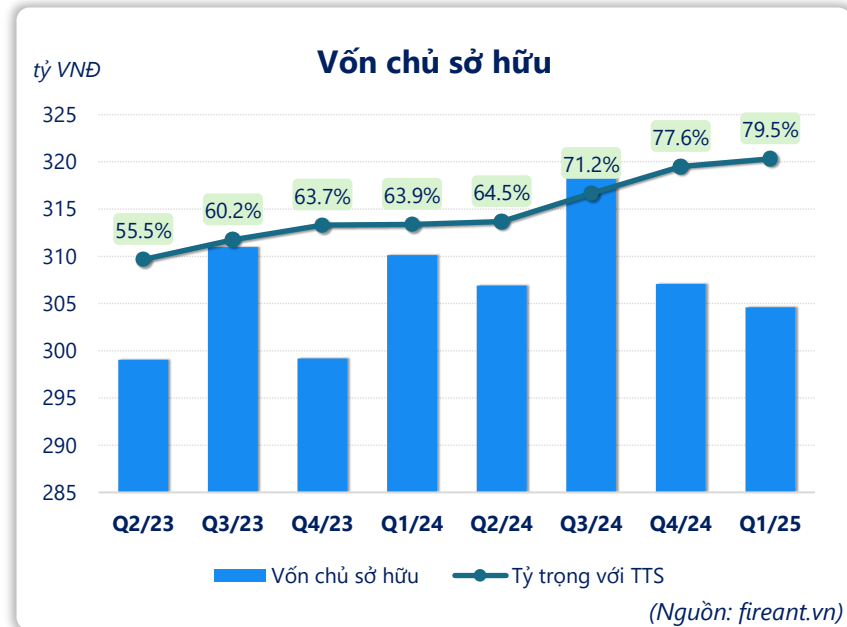
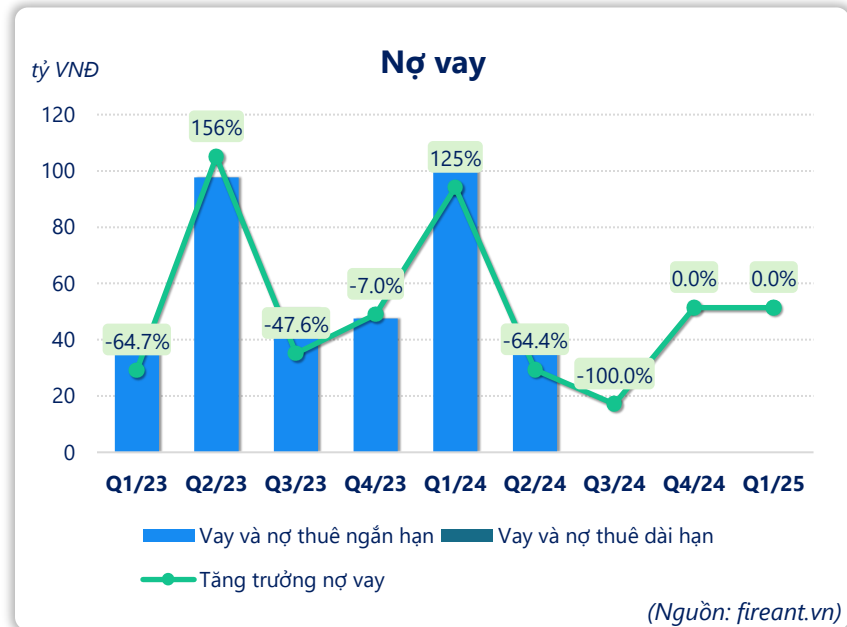
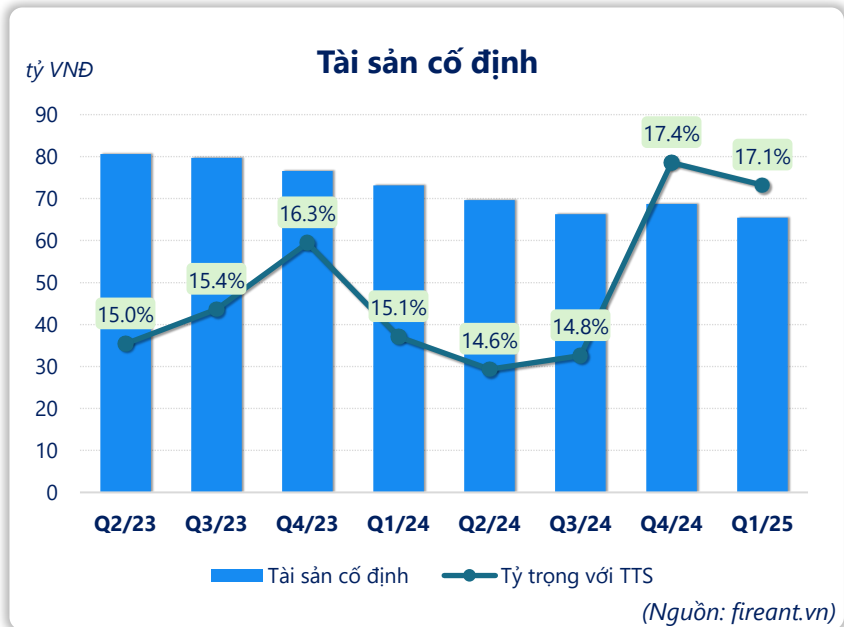
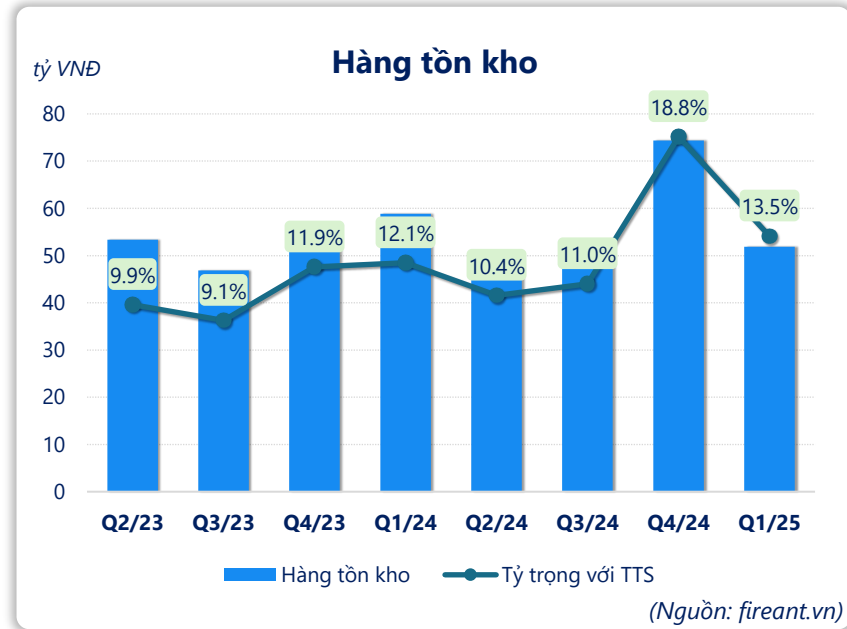
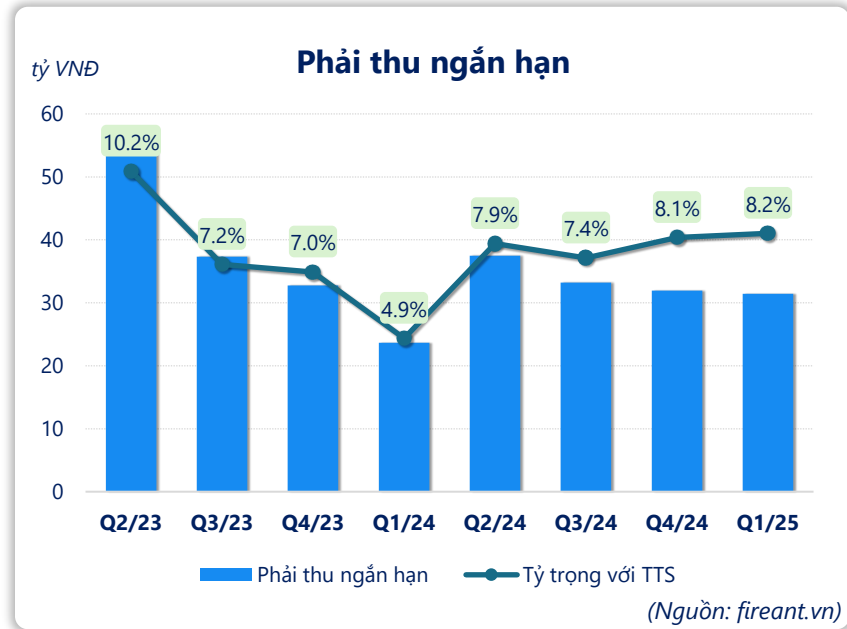
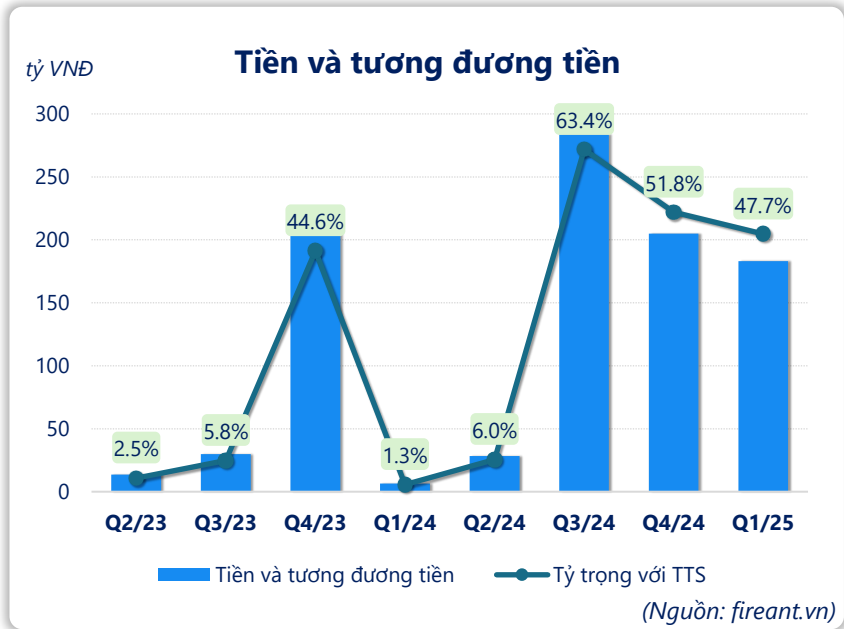
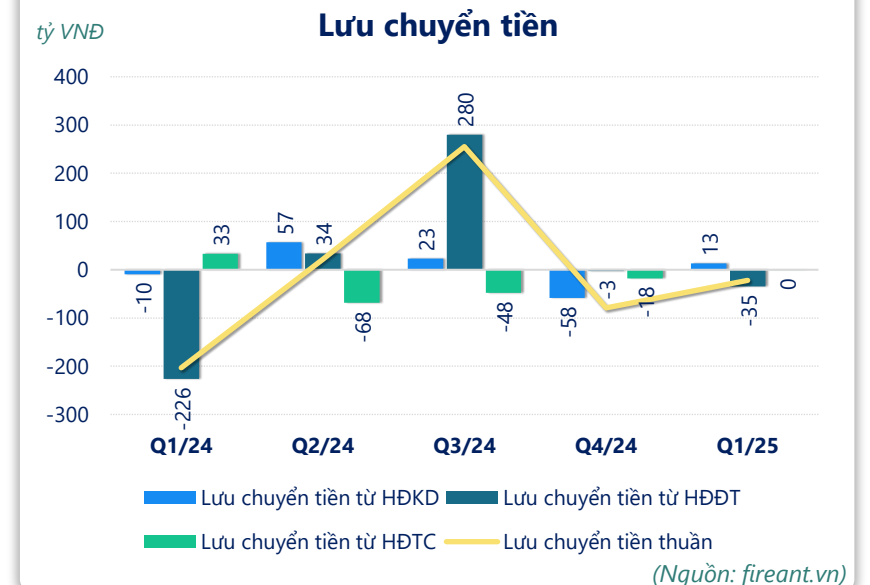
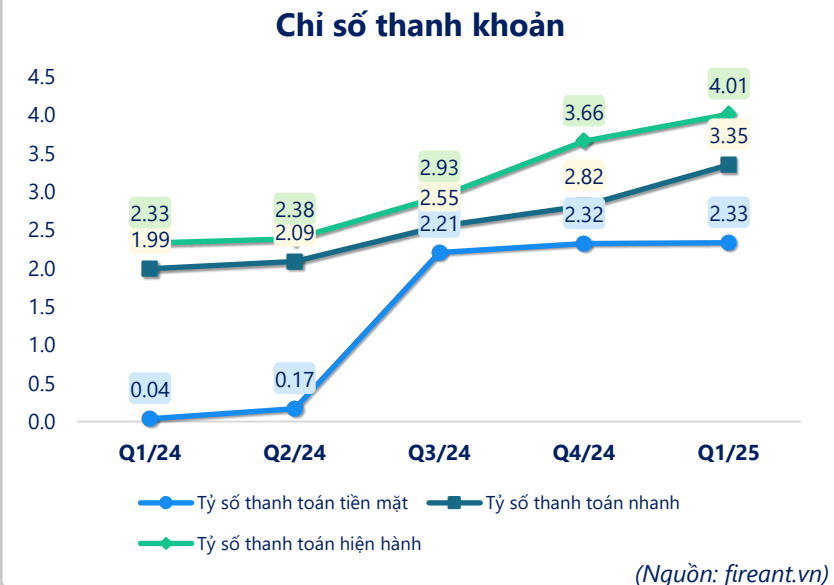
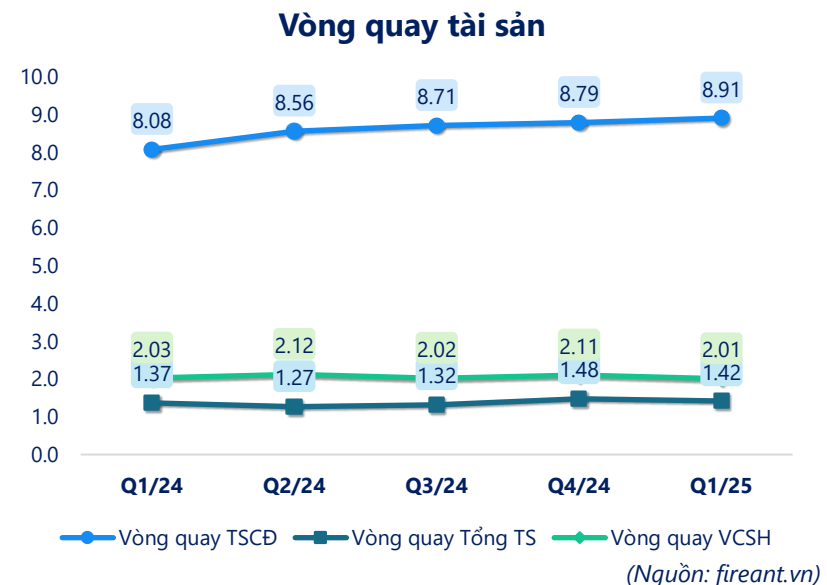
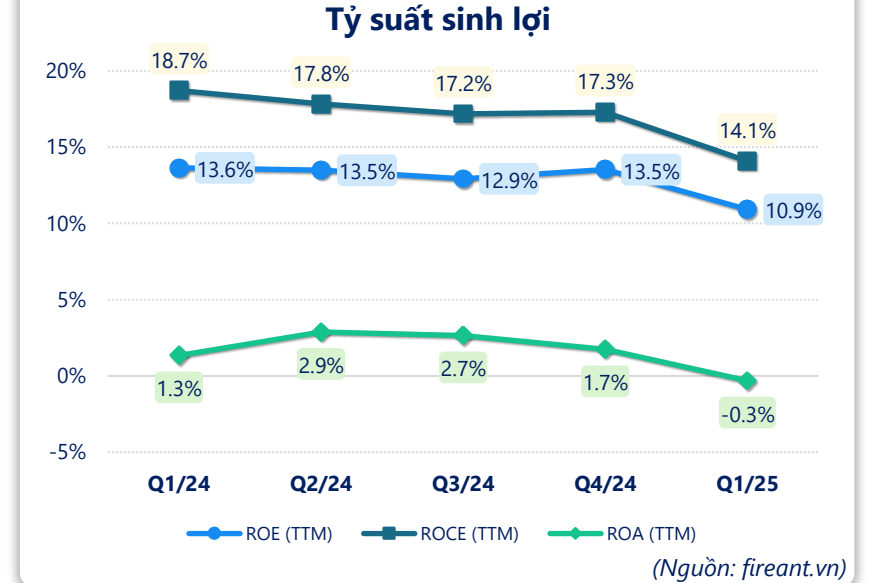
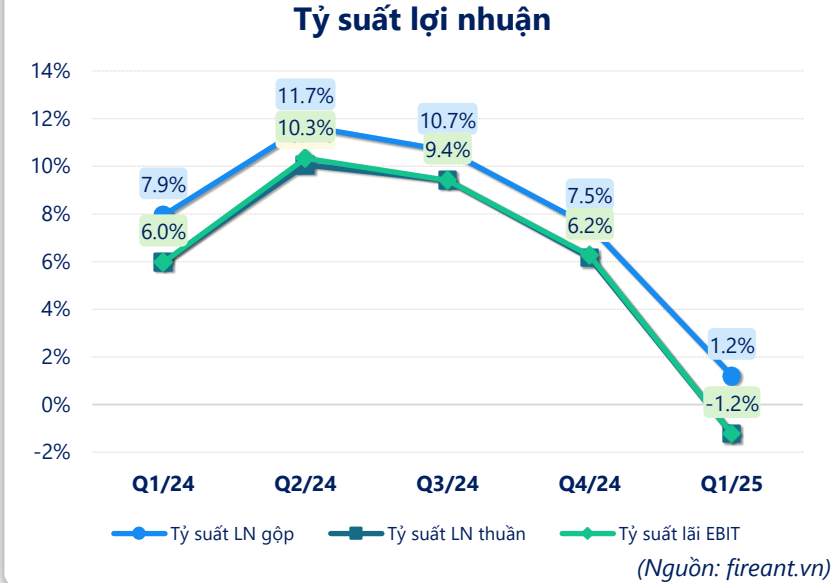
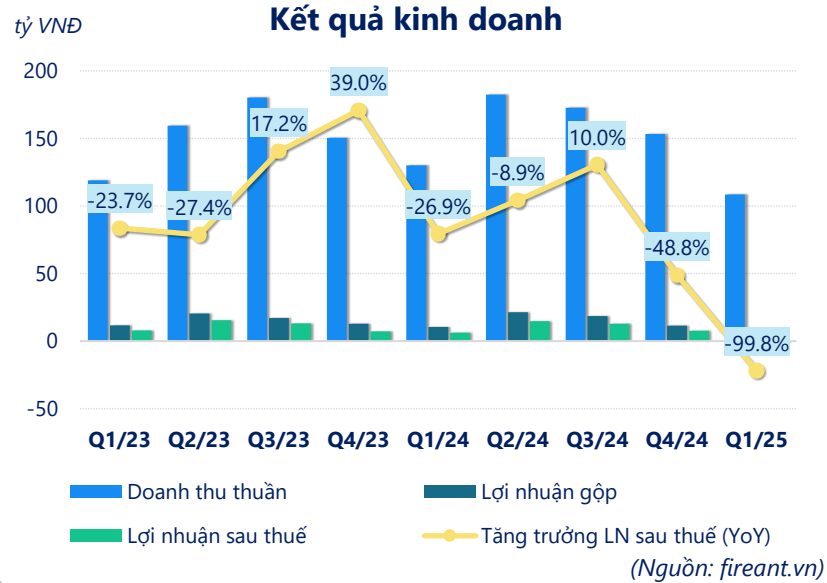


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		21,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,972
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,000
SL cổ phiếu LH		18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		520
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		387
P/E		11.5
EPS		1,863

	YTD	1T	3T	6T
BSH	15.0%	15.0%	15.0%	13.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	383	396	-3.1%
Tài sản ngắn hạn	315	323	-2.5%
Tiền và tương đương tiền	183	205	-10.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.0	10.0	370%
Phải thu ngắn hạn	31.5	31.9	-1.5%
Hàng tồn kho	51.9	74.3	-30.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.24	1.66	-25.0%
Tài sản dài hạn	68.8	72.8	-5.5%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	65.4	68.7	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.37	4.14	-18.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	78.7	88.5	-11.0%
Nợ ngắn hạn	78.4	88.2	-11.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.50	15.2	-37.5%
Nợ dài hạn	0.32	0.25	29.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	305	307	-0.8%
Vốn chủ sở hữu	305	307	-0.8%
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	130	182	173	153	109
Giá vốn hàng bán	120	161	154	142	107
Lợi nhuận gộp	10.3	21.3	18.4	11.5	1.31
Doanh thu HĐTC	3.00	2.83	2.58	3.14	2.15
Chi phí TC	0.68	0.61	0.00	0	0
Chi phí lãi vay	0	0.61	0.00	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.54	0.73	0.76	0.94	0.46
Chi phí QLDN	4.35	4.46	3.97	4.24	4.34
LN thuần từ HĐKD	7.76	18.3	16.2	9.43	-1.34
Lợi nhuận khác	0.00	-0.10	0.00	0.15	0.00
LN trước thuế	7.76	18.2	16.2	9.58	-1.34
Lợi nhuận sau thuế	6.10	14.6	12.8	7.51	-1.36
LNST của CĐ cty mẹ	6.10	14.6	12.8	7.51	-1.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.61	56.8	22.9	-58.3	12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-226	33.6	280	-2.66	-34.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	32.7	-68.4	-47.8	-17.9	-0.03
Tiền đầu kỳ	210	6.37	28.4	284	205
Lưu chuyển tiền thuần	-203	22.0	255	-78.8	-21.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.37	28.4	284	205	183

(Nguồn: fireant.vn)